

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2023/DS-ST

Ngày: 24 – 8 – 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Sĩ Hùng
- Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Xuân Kh** - Chủ hộ kinh doanh cá thể Gia Kh.

Địa chỉ: Đường NT, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền ngày 24/5/2023): Chị **Nguyễn Tố Nh**, sinh năm: 1995. (có mặt)

Địa chỉ: Đường ĐTH, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Trương Văn N**, sinh năm: 1962. (có mặt)

Bà **Trịnh Tuyết M**, sinh năm: 1965. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Đường LTK, khóm E, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Tố Nh trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Từ năm 2021 đến tháng 4/2023 ông Trương Văn N và bà Trịnh Tuyết M có mua của anh Lê Xuân Kh (chủ hộ kinh doanh cá thể Gia Kh) thức ăn, thuốc thủy sản. Tính đến ngày 08/4/2023 ông N và bà M còn nợ lại anh Kh tiền mua thức ăn thủy sản chưa thanh toán với tổng số tiền 827.959.500 đồng. Nay anh Kh yêu cầu ông N bà M thanh toán cho anh khoản nợ nêu trên với số tiền 827.959.500 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trương Văn N trình bày: Ông có trực tiếp mua thức ăn thủy sản của anh Lê Xuân Kh. Tính đến ngày 08/4/2023 còn nợ anh Kh tiền mua thức ăn thủy sản với số tiền 827.959.500 đồng đúng như đại diện hợp pháp của anh Kh trình bày. Mục đích mua để nuôi tôm công nghiệp. Ông đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh Kh.

Đối với bà Trịnh Tuyết M: Tòa án đã thông báo cho bà M về việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân Kh (chủ hộ kinh doanh cá thể Gia Kh); đã thông báo cho bà M đến Tòa án để tham gia hoà giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng đến nay bà M vẫn không đến Tòa án để tham gia hoà giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án; bà M cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Xuân Kh (chủ hộ kinh doanh cá thể Gia Kh) khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn N và bà Trịnh Tuyết M thanh toán nợ mua thức ăn thủy sản. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ông N, bà M cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Tòa án nhiều lần triệu tập bà M đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà M vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền 827.959.500 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Trương Văn N và bà Trịnh Tuyết M liên đới thanh toán nợ cho nguyên đơn. Bị đơn ông Trương Văn N thừa nhận nguyên đơn trình bày đúng. Ông N đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông N là người trực tiếp giao dịch mua hàng hoá với anh Lê Xuân Kh, mục đích mua hàng hoá là để nuôi tôm công nghiệp, phát triển kinh tế gia đình. Bà M là vợ ông N nên bà M phải có trách nhiệm liên đới cùng ông N thanh toán nợ cho anh Kh. Ông N thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 827.959.500 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông M là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên được xem xét chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Xuân Kh (chủ hộ kinh doanh cá thể Gia Kh). Buộc bị đơn ông Trương Văn N và bà Trịnh Tuyết M liên

đổi thanh toán cho anh Lê Xuân Kh số tiền 827.959.500 đồng (*tám trăm hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày anh Lê Xuân Kh có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trương Văn N và bà Trịnh Tuyết M không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Trương Văn N phải chịu 18.419.000 đồng. Ông N được miễn nộp tiền án phí nên không phải nộp.

- Buộc bà Trịnh Tuyết M phải chịu 18.419.000 đồng. Bà M phải nộp án phí khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Lê Xuân Kh không phải chịu án phí. Anh Lê Xuân Kh được nhận lại số tiền 18.419.000 đồng anh Kh đã dự nộp vào ngày 07/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai thu số 0003524) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3 - Về quyền kháng cáo: Anh Lê Xuân Kh, ông Trương Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trịnh Tuyết M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân